



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG  
VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

---

**Tháng 3 năm 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Văn Hùng  
Ông Nguyễn Mạnh Hà  
Ông Phạm Văn Trịnh  
Ông Vũ Đức Phúc  
Ông Vũ Văn Sáu

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Mạnh Hà  
Ông Phạm Văn Trịnh  
Ông Vũ Đức Phúc

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG HÀI PHÒNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Phạm Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



Phạm Văn Hùng  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Số: 50 /2022/KT-AV3-TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
**Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/3/2022, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 05/3/2021.



**Vũ Hoài Nam**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1436-2018-055-1  
**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**Lưu Thị Hồng**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4837-2019-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	Mẫu số B01 - DN Đơn vị tính: VND 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>25.844.123.326</b>	<b>26.343.576.679</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.234.013.115</b>	<b>631.716.270</b>
1. Tiền	111	5	2.234.013.115	631.716.270
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.565.901.641</b>	<b>25.646.966.865</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	22.468.890.280	22.452.017.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.640.000	1.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.094.371.361	2.194.949.765
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.208.570</b>	<b>64.893.544</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.461.997	7.395.174
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12.2	42.746.573	57.498.370
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.297.846.244</b>	<b>6.409.155.216</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.878.230.108</b>	<b>5.882.812.441</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	7.878.230.108	5.882.812.441
- Nguyên giá	222		23.607.367.708	20.388.742.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.729.137.600)	(14.505.930.468)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>419.616.136</b>	<b>526.342.775</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	419.616.136	526.342.775
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>34.141.969.570</b>	<b>32.752.731.895</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	Mẫu số B01 - DN
				Đơn vị tính: VND
			01/01/2021	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>23.933.905.386</b>	<b>22.509.109.211</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23.933.905.386</b>	<b>22.509.109.211</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>11</b>	14.473.882.792	13.085.147.435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.771.990	5.799.990
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>12.1</b>	1.840.938.320	1.843.326.459
4. Phải trả người lao động	314		725.580.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315	<b>13</b>	1.010.015.300	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>14</b>	871.960.909	2.282.307.504
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>15</b>	4.300.000.000	4.600.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		704.756.075	692.527.823
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.208.064.184</b>	<b>10.243.622.684</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>10.065.830.184</b>	<b>10.065.830.184</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	<b>16</b>	10.000.000.000	10.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	<b>16</b>	65.830.184	65.830.184
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>142.234.000</b>	<b>177.792.500</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		142.234.000	177.792.500
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>34.141.969.570</b>	<b>32.752.731.895</b>
Người lập biểu		Kế toán trưởng		
Nguyễn Hoàng Giang		Trần Thị Oanh		

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
Năm 2021

Mẫu số B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>84.648.054.922</b>	<b>82.242.674.668</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>84.648.054.922</b>	<b>82.242.674.668</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	<b>18</b>	80.506.428.698	78.341.464.759
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>4.141.626.224</b>	<b>3.901.209.909</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>19</b>	5.919.502	5.148.869
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>20</b>	1.608.839.965	1.492.137.793
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>2.538.705.761</b>	<b>2.414.220.985</b>
11. Thu nhập khác	31	<b>21</b>	102.418	5.927.266
12. Chi phí khác	32	<b>22</b>	9.515.845	120.195.914
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(9.413.427)</b>	<b>(114.268.648)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.529.292.334</b>	<b>2.299.952.337</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>25</b>	515.624.082	345.938.522
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2.013.668.252</b>	<b>1.954.013.815</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>24</b>	<b>650</b>	<b>650</b>

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Giang

Kế toán trưởng

Trần Thị Oanh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch



Phạm Văn Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2021

Mẫu số B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. <b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>2.529.292.334</b>	<b>2.299.952.337</b>
2. <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	9	1.187.648.632	1.262.544.974
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	19	(5.919.502)	(5.148.869)
3. <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>3.711.021.464</b>	<b>3.557.348.442</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.101.750.198	(1.578.838.998)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.399.943.841	(3.467.986.603)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		106.726.639	(102.492.450)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	12	(400.000.000)	(949.797.697)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.129.000	2.714.874.840
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.354.569.000)	(3.539.349.381)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.568.002.142</b>	<b>(3.366.241.847)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	9	(3.218.624.799)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19	5.919.502	5.148.869
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.212.705.297)</b>	<b>5.148.869</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ vay	33	15	8.750.000.000	9.216.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	15	(9.050.000.000)	(4.666.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(453.000.000)	(688.425.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(753.000.000)</b>	<b>3.861.575.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.602.296.845</b>	<b>500.482.022</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	<b>631.716.270</b>	<b>131.234.248</b>
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5	<b>2.234.013.115</b>	<b>631.716.270</b>

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2021.

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Giang

Kế toán trưởng

Trần Thị Oanh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch



Phạm Văn Hùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng, trụ sở đặt tại 1235 Trần Nhân Tông, Quận Kiến An, Hải Phòng, được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng theo Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 06/5/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 10/8/2015 và thay đổi lần thứ hai ngày 03/11/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ, xây lắp.**

**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Quản lý duy tu cải tạo, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị: đường hè, các báo hiệu giao thông, biển tên đường phố, ngõ; hệ thống thoát nước (cống hộp, cống tròn, rãnh hở, mương tiêu thoát nước thải, hồ điều hòa, cống ngăn triều, các ga thăm); hệ thống điện chiếu sáng công cộng, các vườn hoa công viên, cây xanh ven đường, đài tưởng niệm liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân, các công trình vệ sinh công cộng, quản lý các ga trung chuyển rác, thu gom vận chuyển rác và các loại chất thải khác trên địa bàn quận Kiến An;
- Xây dựng các công trình giao thông, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn các công trình vừa và nhỏ;
- San lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất và nhân giống các loại giống cây trồng, các loại hoa phục vụ đô thị;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, đúc các cấu kiện bê tông như gạch lát hè, bó vỉa, đan rãnh, cọc tiêu, mốc chỉ giới, cột điện hạ thế, bia mộ, các loại cống tròn từ 300-1500 đạt tiêu chuẩn từ H10 đến H30 theo tiêu chuẩn Việt Nam.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** trong vòng 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:** Công ty không có các đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - ĐN

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc cho rằng việc thực hiện như vậy là phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp được xác định theo giá trị quyết toán được Sở Tài chính Hải Phòng phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

**Số năm**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải	10

Tài sản cố định hữu hình hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp được tính hao mòn theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Hao mòn tài sản cố định hữu hình được ghi giảm nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định.

**4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.6 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.7 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Cuối năm, các khoản vay của Công ty đều đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo nên được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**4.8 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: chi phí vật tư và nhân công thuê ngoài.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Quyết định số 247/QĐ-CTCC ngày 26/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**4.10 Doanh thu và thu nhập khác**

**Doanh thu hoạt động công ích** được ghi nhận trên cơ sở thông báo dự toán thu, chi vốn sự nghiệp kinh tế của Liên Sở Xây dựng - Tài chính.

**Doanh thu xây dựng** được ghi nhận khi các công trình (hạng mục công trình) đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao và quyết toán được phê duyệt.

**Doanh thu hoạt động tài chính** là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

**4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, lệ phí mua bài, dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại...) và các khoản chi phí khác.

**4.13 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**4.14 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 27.

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
Tiền mặt	97.541.981	415.547.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.136.471.134	216.169.147
<b>Cộng</b>	<b>2.234.013.115</b>	<b>631.716.270</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	21.878.254.000	22.162.440.000
Sở Xây dựng Hải Phòng	20.478.737.000	21.826.609.000
Sở Giao thông vận tải Hải Phòng	1.399.517.000	335.831.000
Các khoản phải thu của khách hàng khác	590.636.280	289.577.100

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND		
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.094.371.361</b>	-	<b>2.194.949.765</b>	-
Tạm ứng	280.000.000	-	100.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	814.371.361	-	2.072.020.113	-
Phải thu khác	-	-	22.929.652	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - ĐN**

**8. NỢ XẤU**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>	<b>181.685.100</b>	-	<b>181.685.100</b>	-
Chi nhánh Xây dựng và Cơ điện công trình	181.685.100	-	181.685.100	-
- Tổng công ty Viwaseen				
Thời gian quá hạn: trên 36 tháng				
Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn	<b>181.685.100</b>	-	<b>181.685.100</b>	-

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Đơn vị tính: VND	
			Cộng	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2021	<b>5.834.769.274</b>	<b>14.553.973.635</b>	<b>20.388.742.909</b>	
Tăng trong năm	<b>914.901.226</b>	<b>2.303.723.573</b>	<b>3.218.624.799</b>	
Mua sắm	914.901.226	2.303.723.573	3.218.624.799	
Giảm trong năm	-	-	-	
Tại 31/12/2021	<b>6.749.670.500</b>	<b>16.857.697.208</b>	<b>23.607.367.708</b>	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 01/01/2021	<b>4.902.683.767</b>	<b>9.603.246.701</b>	<b>14.505.930.468</b>	
Tăng trong năm	<b>268.294.083</b>	<b>954.913.049</b>	<b>1.223.207.132</b>	
Khấu hao trong năm	232.735.583	954.913.049	1.187.648.632	
Hao mòn tài sản nguồn sự nghiệp	35.558.500	-	35.558.500	
Giảm trong năm	-	-	-	
Tại 31/12/2021	<b>5.170.977.850</b>	<b>10.558.159.750</b>	<b>15.729.137.600</b>	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2021	<b>932.085.507</b>	<b>4.950.726.934</b>	<b>5.882.812.441</b>	
Tại 31/12/2021	<b>1.578.692.650</b>	<b>6.299.537.458</b>	<b>7.878.230.108</b>	

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 8.438.857.489 VND (tại ngày 31/12/2020 là 7.545.969.221 VND).

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
<b>Dài hạn</b>				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng				
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	<b>419.616.136</b>	<b>526.342.775</b>		
	325.349.818	257.391.000		
	94.266.318	268.951.775		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Giá trị Số có khả năng trả nợ	VND	Giá trị Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.473.882.792</b>	<b>14.473.882.792</b>	<b>13.085.147.435</b>	<b>13.085.147.435</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	1.580.472.295	1.580.472.295	258.609.113	258.609.113
Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng Minh Sơn	1.580.472.295	1.580.472.295	258.609.113	258.609.113
Phải trả cho các đối tượng khác	12.893.410.497	12.893.410.497	12.826.538.322	12.826.538.322

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng (*)	1.829.171.752	3.589.946.757	3.636.305.901	1.782.812.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(57.498.370)	515.624.082	400.000.000	58.125.712
Thuế thu nhập cá nhân	14.154.707	97.841.100	154.742.380	(42.746.573)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	126.767.000	126.767.000	-
Các loại thuế khác	-	9.513.120	9.513.120	-
Phí, lệ phí	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.785.828.089</b>	<b>4.342.692.059</b>	<b>4.330.328.401</b>	<b>1.798.191.747</b>
<b>Trong đó:</b>				
12.1 Phải nộp	1.843.326.459			1.840.938.320
12.2 Phải thu	57.498.370			42.746.573

(\*): số phải nộp trong năm là số đã bù trừ giữa thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp là 5.498.511.078 VND với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là 1.908.564.321 VND.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.010.015.300</b>	-
Chi phí phải trả về vật tư, nhân công thuê ngoài	1.010.015.300	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - ĐN

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	140.584.000	91.962.000
Bảo hiểm xã hội	-	729.149.602
Cổ tức phải trả	650.000.000	453.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.376.909	1.008.195.902

**15. VAY VỐI NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>31/12/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản vay	4.300.000.000	4.600.000.000

	<b>31/12/2021</b> VND		Trong năm VND		<b>01/01/2021</b> VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>4.600.000.000</b>	<b>4.600.000.000</b>	<b>8.750.000.000</b>	<b>9.050.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>
Cá nhân (*)	4.600.000.000	4.600.000.000	8.750.000.000	9.050.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000

(\*) Khoản vay các cá nhân có thời hạn 12 tháng, không có lãi, để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỔI CHIẾU BIỂN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>10.000.000.000</b>	65.830.184	-	<b>10.065.830.184</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>1.954.013.815</b>	<b>1.954.013.815</b>
Lãi trong năm	-	-	1.954.013.815	1.954.013.815
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>1.954.013.815</b>	<b>1.954.013.815</b>
Phân phối trong năm	-	-	1.954.013.815	1.954.013.815
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>65.830.184</b>	-	<b>10.065.830.184</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>2.013.668.252</b>	<b>2.013.668.252</b>
Lãi trong năm	-	-	2.013.668.252	2.013.668.252
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>2.013.668.252</b>	<b>2.013.668.252</b>
Phân phối trong năm	-	-	2.013.668.252	2.013.668.252
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>65.830.184</b>	-	<b>10.065.830.184</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của Nhà nước	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	4.900.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
-----------------	-----------------

**Tại 01/01**

Tăng trong năm  
Giảm trong năm

**10.000.000.000**

**10.000.000.000**

**Tại 31/12**

**10.000.000.000**

**10.000.000.000**

b. **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
-----------------	-----------------

**Tại 01/01**

**Tăng trong năm**

Lãi trong năm

**Giảm trong năm**

Chia cổ tức bằng tiền

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

Các khoản phạt thuế năm 2018-2019

**2.013.668.252**

2.013.668.252

**2.013.668.252**

650.000.000

1.363.668.252

-

**1.954.013.815**

1.954.013.815

**1.954.013.815**

650.000.000

886.280.081

417.733.734

**Tại 31/12**

c. **Cổ phiếu**

**31/12/2021**

**Cổ phiếu**

**01/01/2021**

**Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

1.000.000

1.000.000

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

1.000.000

1.000.000

*Cổ phiếu phổ thông*

*1.000.000*

*1.000.000*

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

1.000.000

1.000.000

*Cổ phiếu phổ thông*

*1.000.000*

*1.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)

10.000

10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

**17. DOANH THU**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Doanh thu phục vụ đô thị	57.587.714.650	54.469.310.330
Doanh thu công trình ngân sách	25.780.462.091	25.774.833.882
Doanh thu công trình ngoài	1.279.878.181	1.998.530.456
<b>Cộng</b>	<b>84.648.054.922</b>	<b>82.242.674.668</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Giá vốn phục vụ đô thị	55.606.969.211	52.554.998.963
Giá vốn công trình ngân sách	23.839.792.523	24.028.769.428
Giá vốn công trình ngoài	1.059.666.964	1.757.696.368
<b>Cộng</b>	<b>80.506.428.698</b>	<b>78.341.464.759</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Lãi tiền gửi	5.919.502	5.148.869
<b>Cộng</b>	<b>5.919.502</b>	<b>5.148.869</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Tiền thuê đất	126.767.000	114.384.000
Chi phí khấu hao	77.636.364	
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.404.436.601	1.377.753.793
<b>Cộng</b>	<b>1.608.839.965</b>	<b>1.492.137.793</b>

**21. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2021 VND</b>	<b>Năm 2020 VND</b>
Các khoản khác	102.418	5.927.266
<b>Cộng</b>	<b>102.418</b>	<b>5.927.266</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>
Xử lý công nợ	-	3.133.406
Các khoản bị phạt	9.513.120	93.650.003
Các khoản khác	2.725	23.412.505
<b>Cộng</b>	<b>9.515.845</b>	<b>120.195.914</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	19.045.548.809	20.197.591.270
Chi phí nhân công	45.944.846.391	43.340.791.326
Chi phí khấu hao	1.187.648.632	1.262.544.974
Chi phí khác	15.937.224.831	16.295.439.956
<b>Cộng</b>	<b>82.115.268.663</b>	<b>81.096.367.526</b>

**24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	2.013.668.252	1.954.013.815
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	1.363.668.252	1.304.013.815
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)</b>	<b>650.000.000</b>	<b>650.000.000</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>650</b>	<b>650</b>

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2020 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định số 204/QĐ-CTCC ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các khoản phạt thuế năm 2018-2019.

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu năm 2021 là trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định số 247/QĐ-CTCC ngày 26/12/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - ĐN**

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán (1)</b>	<b>2.529.292.334</b>	<b>2.299.952.337</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</b>	<b>48.828.074</b>	<b>171.037.101</b>
Thu lao HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	39.120.000	39.333.000
Các khoản bị phạt	9.513.120	93.650.003
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	194.954	18.102.098
Chi phí khác không được trừ	-	19.952.000
<b>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)</b>	<b>2.578.120.408</b>	<b>2.470.989.438</b>
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	515.624.082	494.197.888
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 (7)	-	148.259.366
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (8)=(6)-(7)</b>	<b>515.624.082</b>	<b>345.938.522</b>

**26. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2021 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.928.906.200	1.358.569.130

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

**Người lập biểu**

Nguyễn Hoàng Giang

**Kế toán trưởng**

Trần Thị Oanh

Hải Phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2022

**Chủ tịch**



Phạm Văn Hùng